|  |
| --- |
| **INDICATOR 2.6.1 – Thách thức liên quan về nước** |
| **Thách thức** | **Liên quan** | **Cơ quan nhà nước liên quan** | **Mặt liên quan đối tác** | **Liên quan site** | **Mức độ ưu tiên** | **Cơ sở đánh giá ưu tiên** |
| Vấn đề an toàn, vệ sinh công cộng | Chất lượng | Chính quyền địa phương  |   |   |   |   |
| Tiêu thụ nước quá mức trong khu vực | Cân bằng nước | Sở TNMT có KH quản lý: giảm nước mặt sang sử dụng nước ngầm  | Khả năng tiếp cận nước sạch của người dân | Tăng chi phí nước TP | Thấp | Tăng chi phí sản xuất |
| Tổn thương của nguồn nước ngầm do ô nhiễm nước mặt  | Chất lượng | Sở TNMT và người dân | Ô nhiễm môi trường nước và sức khỏe người dân | ảnh hưởng chất lượng nước; quan trọng cho hệ thống xử lý nước thải | Rất cao | ảnh hưởng lớn đến cộng đồng;tăng chi phí xử lý nước |
| Không kiểm soát được các giếng dân sinh | Chất lượng | Sở TNMT và người dân | Ô nhiễm môi trường nước và sức khỏe người dân | ảnh hưởng chất lượng nước; quan trọng cho hệ thống xử lý nước thải | Rất cao | ảnh hưởng lớn đến cộng đồng;tăng chi phí xử lý nước |
| Ô nhiễm trãi rộng trên các kênh rạch  | KV quan trọng liên quan về nước | Sở TNMT và người dân | Ô nhiễm môi trường nước và sức khỏe người dân | ảnh hưởng chất lượng nước; quan trọng cho hệ thống xử lý nước thải | Rất cao | ảnh hưởng lớn đến cộng đồng;tăng chi phí xử lý nước |
| Mực nước ngầm sụt giảm do hút nước quá nhiều mà nhiều người không biết hoặc quan tâm | Quản lý | Sở NN và PTNT | Quan trọng để bảo vệ nguồn nước; phát triển kinh tế xã hội | Thiếu nước sản xuất | Thấp | ảnh hưởng sản xuất |
| Nhiễm mặn | Chất lượng | Sở KHCN; thay đổi thói quen nông nghiệp; lắp đặt hệ thống đo lường và cảnh báo  | Quan trọng cho nông nghiệp | Quan trọng cho quy trình xử lý nước | Thấp |  Nông nghiệp cần thay đổi; ;tăng chi phí xử lý nước |
| Sử dụng thuốc trừ sâu | Quality | Sở TNMT và người dân | Ô nhiễm môi trường nước và sức khỏe người dân | Quan trọng cho quy trình xử lý nước | Thấp |  Nông nghiệp cần thay đổi; ;tăng chi phí xử lý nước |